TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2020/DS-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hơn.

2. Ông Nguyễn Văn Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**;

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G – Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Tiền Giang (theo giấy ủy quyền ngày 24/12/2019).

Ông Nguyễn Văn G ủy quyền lại cho bà Trần Song Hạ Q – Trưởng Phòng giao dịch Chợ Gạo (theo giấy ủy quyền ngày 24/12/2019).

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

(Có mặt bà Quyên, vắng mặt bà Thủy)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Song Hạ Q trình bày:

Ngày 29/3/2013, bà Lê Thị T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S (theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), bà T đã nhận thẻ tín dụng, hạn mức thẻ là 8.000.000 đồng, thời hạn là 03 năm, thỏa thuận lãi suất theo lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 2,6%/tháng, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, có thỏa thuận về các loại phí, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Ngày 31/7/2019, toàn bộ khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn và khóa thẻ tín dụng. Tính đến ngày 31/7/2019, bà Thủy đã thực hiện giao dịch với số tiền là 30.930.000 đồng, tiền lãi là 7.766.847 đồng, tiền phí là 2.921.000 đồng, tổng cộng là 41.617.847 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 34.571.919 đồng (trong đó tiền vốn là 25.455.352 đồng, tiền lãi và phí là 9.116.567 đồng). Ngày 31/8/2019, bà T thanh toán được cho Ngân hàng 500.000 đồng và ngưng thanh toán cho đến nay.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc yêu cầu bà T thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay bà T vẫn chưa thanh toán tiền vay, tiền lãi cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền 7.756.750 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 5.474.648 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.071.280 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.210.822 đồng, tạm tính đến ngày 24/12/2019), tiền lãi và lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng từ ngày 24/12/2019 cho đến khi trả hết nợ. Thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Lê Thị T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, bà Trần Song Hạ Q trình bày: Yêu cầu bà Lê Thị T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay còn nợ là 9.262.238 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 5.474.648 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.071.280 đồng và nợ lãi quá hạn là 2.716.310 đồng, tạm tính đến ngày 25/6/2020) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 26/6/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 29/3/2013 để khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vốn và lãi còn nợ. Bà T vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Do đó, Hội

đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà Lê Thị T nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Lê Thị T.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*: Xét thấy ngày 29/3/2013, bà Lê Thị T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S (theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức thẻ là 8.000.000 đồng, bà T đã nhận thẻ tín dụng, thời hạn là 03 năm, hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất công bố áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng là 2,6%/tháng, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, có thỏa thuận về các loại phí, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Tính đến ngày 31/8/2019, bà Thủy đã giao dịch với tổng số tiền là 41.617.847 đồng , nhưng chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 34.571.919 đồng. Khoản nợ của bà T đã chuyển qua nợ quá hạn vào ngày 31/7/2019. Ngày 31/8/2019, bà T có thanh toán cho Ngân hàng được 500.000 đồng. Ngân hàng có nhiều lần đốc thúc bà T trả tiền, nhưng bà T không thực hiện mà cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ cho đến nay. Như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hợp đồng có đầy đủ chữ ký, chữ viết họ tên của bà Lê Thị T. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì bà T phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay, đã thanh toán và không có ý kiến phản đối về chữ ký, chữ viết họ tên và số tiền nợ Ngân hàng nên xem như mặc nhiên thừa nhận số nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 29/3/2013 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[5] *Về án phí*: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc bà Lê Thị Thủy phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền vay còn nợ là 9.262.238 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 5.474.648 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.071.280 đồng và nợ lãi quá hạn là 2.716.310 đồng, tạm tính đến ngày 25/6/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 463.112 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001034 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni